TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HS-ST
Ngày 27/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: : Ông Hà Hữu Bình và ông Trần Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 03/5/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2019/HSST-QĐ ngày 17/5/2019, đối với bị cáo:

NGUYỄN TIẾN D, sinh ngày 15/02/1979, tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn SL, xã AT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Anh S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phan Thị L và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 12/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 02 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 21/02/2019 chấp hành xong án phạt tù); nhân thân: Ngày 10/8/1996, Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xử phạt 06 tháng tù, về tội Cưỡng đoạt tài sản; ngày 27/8/2007 Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 22/4/2011 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 31, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Khánh D; sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 05/3/2019, bị cáo Nguyễn Tiến D đến nhà ông Nguyễn Phúc C (là cậu ruột của D), thuộc tổ 31, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, anh Nguyễn Đức T (con trai ông C) đi lái taxi chở khách, vợ anh T là chị Lê Thu H nhờ D điều khiển xe mô tô của gia đình, chở chị đến khu vực ngã 8, thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang để lấy xe máy điện. Khoảng 20 giờ 30 phút (sau khi đưa chị H đến địa điểm lấy xe máy điện) bị cáo điều khiển xe mô tô về nhà ông C để trả xe, lúc này ông C đang nằm xem ti vi ở phòng khách, bị cáo nhìn vào phòng ngủ của vợ chồng ông C, thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS (của anh T) đang sạc pin đặt trên nắp hộp trang điểm, để trên bàn nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại mang bán lấy tiền chi tiêu. Bị cáo đi vào rút dây sạc, lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc rồi đi khỏi nhà ông C. Sau đó, bị cáo đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của chị Nguyễn Thị Khánh D, thuộc tổ 33, phường P, thành phố T, bán chiếc điện thoại cho chị D với số tiền 1.300.000đ. Tiền bán điện thoại, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/3/2019, chị Nguyễn Thị Khánh D đã giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS cho Công an phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; ngày 08/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Đức T.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 15/KLGĐ, ngày 08/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: 01 điện thoại IPHONE 6 PLUS màu vàng, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 4.933.300.000 đồng *(bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng).*

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTP ngày 10/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến D theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản1 Điều 51; điểm h khoản1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 09 tháng tù đến 01 năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, bị hại (anh Nguyễn Đức T) xác nhận số lượng, chủng loại tài sản bị mất đúng như lời khai của bị cáo, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Khánh D) không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.300.000 đồng đã đưa cho bị cáo để mua chiếc điện thoại di động bị cáo đã trộm cắp.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến D tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản xác minh, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; bản kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, tại nhà ông Nguyễn Phúc C, thuộc tổ 31, phường M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Tiến D đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, trị giá 4.933.300đ *(Bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)* của anh Nguyễn Đức T (con trai ông Nguyễn Phúc C).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi; trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp trên 2.000.000 đồng; hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người

khác về tài sản. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm", do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và trước đó đã 03 lần bị Toà án kết án về hành vi phạm tội (đã được xoá án tích), cụ thể: Ngày 10/8/1996, Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xử phạt 06 tháng tù, về tội Cưỡng đoạt tài sản; ngày 27/8/2007 Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 22/4/2011 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại (anh Nguyễn Đức T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Khánh D) mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2019 (bút lục số 19,20) anh Nguyễn Đức T xác đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự; tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2019 (bút lục số 38,39) và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/5/2019, chị Nguyễn Thị Khánh D xác định không yêu cầu Nguyễn Tiến D hoàn trả lại số tiền 1.300.000 đồng (đã trả cho D khi mua điện thoại), do xác định bị cáo D không có khả năng hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi mua tài sản do bị cáo Nguyễn Tiến D trộm cắp được mà có của chị Nguyễn Thị Khánh D, do khi mua chị D không biết là tài sản bị cáo phạm tội mà có, cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/3/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Tiến D, phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (anh Nguyễn Đức T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Khánh D) vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án (bị hại được kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnhTQ;
- Công an tỉnhTQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Vinh